



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 34

Ngày 15 tháng 6 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 05-6-2015- Chỉ thị số 09/2015/CT-UBND về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 14-5-2015- Quyết định số 2222/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện công tác phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 7
- 20-5-2015- Quyết định số 2318/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tự thực ở khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 17

- 22-5-2015- Quyết định số 2383/QĐ-UBND về phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kiến trúc sư Thành phố Hồ Chí Minh. 30
- 28-5-2015- Quyết định số 2525/QĐ-UBND về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh. 44
- 03-6-2015- Quyết định số 2602/QĐ-UBND về thành lập Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. 48

LIÊN SỞ, NGÀNH

- 15-5-2015- Hướng dẫn số 3100/HDLCQ-TNMT-STC-SXD-CT áp dụng Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố. 57

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2015/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 6 năm 2015***CHỈ THỊ****Về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với vũ khí,
vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Ngày 18 tháng 5 năm 2009, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Chỉ thị số 10/2009/CT-UBND về tăng cường quản lý nhà nước đối với vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và Ủy ban nhân dân quận, huyện đã tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân giao nộp hàng ngàn vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; Công an Thành phố đã phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố và các ngành chức năng tổ chức kiểm tra, phát hiện thu giữ nhiều vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ do nhập khẩu, sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép... góp phần cho công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố.

Tuy nhiên, công tác phối hợp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ vẫn còn hình thức, chưa được duy trì thường xuyên do vậy hiệu quả thu hồi chưa cao; tình trạng mua bán, tàng trữ, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái phép chưa được ngăn chặn triệt để; công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng tiền chất vật liệu nổ còn nhiều sơ hở, bất cập dẫn đến tình trạng gần đây một số thanh thiếu niên lên mạng tìm công thức chế tạo pháo, thuốc nổ rồi tìm mua hoá chất, tiền chất thuốc nổ đem về nhà ở, phòng trọ tự chế pháo, quả nổ dẫn đến cháy, nổ gây hậu quả nghiêm trọng...

Để thực hiện nghiêm Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với vũ khí, vật liệu nổ, công

cụ hỗ trợ trên địa bàn Thành phố trong tình hình hiện nay, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ thị:

1. Công an Thành phố chủ trì phối hợp Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố thường xuyên có kế hoạch tổng kiểm tra, rà soát, thống kê đầy đủ các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được mua sắm, trang bị và công tác quản lý, sử dụng, bảo quản tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được trang bị, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ do cơ quan Công an - Quân sự cấp phép. Trên cơ sở kết quả kiểm tra và tự kiểm tra, các cơ quan, đơn vị được trang bị vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ làm rõ nguyên nhân và khắc phục ngay những hạn chế, thiếu sót trong công tác quản lý, sử dụng; trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy tại chỗ đảm bảo duy trì điều kiện an toàn tuyệt đối cho các kho, tủ, hòm nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

a) Thường xuyên tổ chức các lớp huấn luyện, tập huấn, đào tạo về tính năng tác dụng, kỹ năng sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ cho các đơn vị trong và ngoài ngành thuộc đối tượng trang bị, sử dụng theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và mọi tầng lớp nhân dân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

b) Chủ trì phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Ban Chỉ đạo vận động toàn dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ của Thành phố để tập trung chỉ đạo thống nhất.

2. Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ đội Biên phòng Thành phố, Cục Hải quan, Chi cục Quản lý thị trường Thành phố tăng cường công tác nắm tình hình, kiểm tra phát hiện, bắt giữ, xử lý nghiêm các đối tượng sản xuất, tàng trữ, sử dụng trái phép và nhập lậu, mua bán, vận chuyển các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ vào Thành phố qua đường hàng không, hàng hải, bưu điện... Đối với các vi phạm nghiêm trọng phải khởi tố, điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố thường xuyên phối hợp với Công an Thành phố tổ chức kiểm tra các cơ quan, xí nghiệp trước đây được trang bị, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ do Công an hoặc Quân sự cấp phép; thu hồi vũ khí và giấy phép sử dụng của cơ quan, tổ chức không thuộc diện được phép trang bị theo quy định. Phối

hợp với Hội Cựu chiến binh, tổ chức đoàn thể... vận động những người trước đây là Bộ đội, Công an (nhất là các đồng chí có quá trình tham gia chiến đấu tại các chiến trường) nay đã về hưu hoặc xuất ngũ còn lưu giữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ là chiến lợi phẩm hoặc được biếu tặng, giữ làm vật kỷ niệm thì giao nộp cho cơ quan Công an hoặc Quân sự để xử lý, tiêu hủy.

4. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức đưa ra xét xử lưu động một số vụ án nghiêm trọng về nhập khẩu, mua bán, vận chuyển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ hoặc các vụ án mà bọn tội phạm sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ gây án để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

5. Sở Công Thương Thành phố chủ trì phối hợp với Sở, ngành và các cơ quan chức năng có liên quan xây dựng đề án thành lập chợ đầu mối kinh doanh hóa chất để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực hóa chất. Chủ trì tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh và sử dụng hóa chất nguy hiểm, tiền chất vật liệu nổ trên địa bàn Thành phố.

6. Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố, Đài Truyền hình Thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ cũng như nguy cơ và tác hại của việc mua bán, vận chuyển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng trái phép, qua đó tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động toàn dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trên địa bàn Thành phố.

7. Công an Thành phố chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp Thành phố và các Sở, ngành có liên quan thường xuyên kiểm tra, rà soát các văn bản pháp luật trong lĩnh vực quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tham mưu, kiến nghị cơ quan chức năng bổ sung hoặc sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu và tình hình chung của Thành phố.

8. Ủy ban nhân dân quận, huyện kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo vận động toàn dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; đối với các đơn vị chưa triển khai phải thành lập ngay Ban Chỉ đạo và xây dựng kế hoạch thực hiện; chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn tích cực phối hợp với lực lượng Công an đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trong tình hình hiện nay; phát hiện tố giác các trường hợp vi phạm và tự nguyện, tự giác giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, hạn chế, làm giảm tối đa vũ khí còn trôi nổi ngoài xã hội.

Phối hợp với các Sở, ngành chức năng thực hiện điều tra, khảo sát phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh và sử dụng hóa chất, tiền chất vật liệu nổ trên địa bàn đảm trách. Chỉ đạo các lực lượng chức năng có kế hoạch tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn hóa chất, an toàn phòng cháy, chữa cháy của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng hóa chất, tiền chất vật liệu nổ thuộc địa bàn quản lý.

9. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, các tổ chức, đoàn thể, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải có trách nhiệm trong việc kiểm tra tại đơn vị, địa bàn mình phụ trách, kịp thời phát hiện, yêu cầu giao nộp các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ không thuộc diện trang bị, sử dụng theo quy định của pháp luật.

10. Giao Công an Thành phố phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chỉ thị này. Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố theo đúng quy định.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế cho Chỉ thị số 10/2009/CT-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường quản lý nhà nước đối với vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2222/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện công tác
phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới;

Căn cứ Kế hoạch số 3937/KH-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 6432/KH-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Ban Thường vụ Thành ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 95-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2014 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

Xét đề nghị của Giám đốc Công an Thành phố tại Tờ trình số 709/TTr-CATP-PV11 ngày 05 tháng 5 năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai, thực hiện công tác phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở - ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai, thực hiện công tác phòng, chống, kiểm soát và
cai nghiện ma túy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2222/QĐ-UBND

ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới, Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Tập trung lực lượng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tiến hành đồng bộ các giải pháp, biện pháp, tập trung các tuyến, địa bàn phường, xã trọng điểm, phức tạp nhằm kiềm chế, tạo chuyển biến mạnh mẽ về thực trạng tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy đang diễn biến phức tạp, nhất là sự gia tăng người nghiện ma túy và xu hướng mua bán, sử dụng ma túy tổng hợp ngày càng nhiều trên địa bàn Thành phố.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác phòng, chống, kiểm soát và tổ chức cai nghiện ma túy, đặc biệt là vai trò quản lý của Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trong công tác rà soát, thống kê, quản lý người nghiện ma túy và xử lý hành chính đối với người nghiện ma túy theo quy định pháp luật.

3. Xác định những nội dung có tính đột phá về công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy đưa vào nội dung chỉ đạo, chương trình hoạt động thường xuyên bằng việc cụ thể hóa thành các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với từng địa phương, đơn vị để kịp thời chỉ đạo giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

II. NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả yêu cầu nhiệm vụ, các giải pháp tại Kế hoạch số 6432/KH-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Chỉ thị 24-CT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 95-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2014 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó cần chú trọng những yêu cầu sau:

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về tác hại của ma túy, nhất là tuyên truyền về cơ chế tác động và tác hại của ma túy tổng hợp để phòng ngừa, ngăn chặn sự lây lan của tệ nạn ma túy, kiểm chế gia tăng người nghiện mới và tổ chức điều trị nghiện ma túy có hiệu quả; nâng cao vai trò, trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục con em, người thân tham gia phòng, chống ma túy. Phát động phong trào toàn dân tham gia phòng, chống ma túy, nêu cao tinh thần cảnh giác phát hiện, tố giác, cung cấp thông tin về các tụ điểm, đối tượng mua bán, đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, có biểu hiện nghi vấn hoặc người đang bị tình nghi sử dụng trái phép chất ma túy tại các khu dân cư, cơ quan, trường học...

- Tăng cường công tác đấu tranh, chuyển hóa các địa bàn, tụ điểm còn phức tạp về ma túy; xác định một số địa bàn trọng điểm, phức tạp, tồn tại kéo dài để tập trung lực lượng và chỉ đạo toàn diện các giải pháp đấu tranh, chuyển hóa triệt để; tăng cường hoạt động kiểm tra, tái kiểm tra, quản lý chặt chẽ, tạo chuyển biến mạnh mẽ đối với tình trạng vi phạm pháp luật về kinh doanh, về an ninh trật tự hoặc sử dụng trái phép các chất ma túy và các tệ nạn xã hội khác tại các vũ trường, quán bar, khách sạn, nhà hàng, cơ sở karaoke...

- Tổ chức rà soát, khảo sát, đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước đối với các loại tiền chất trong lĩnh vực y tế và công nghiệp trên địa bàn Thành phố, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp, biện pháp tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước nhằm chủ động ngăn ngừa việc sử dụng trái phép các loại tiền chất để điều chế, sản xuất ma túy tổng hợp tại địa bàn Thành phố.

- Tiếp tục duy trì và mở rộng thực hiện Đề án điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các loại thuốc thay thế nhằm giảm thiểu tác hại do ma túy gây ra; tổ chức rút kinh nghiệm và điều chỉnh nội dung, giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện công tác cai nghiện tại gia đình, tại cộng đồng theo quy định pháp luật hiện hành. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả các hình thức, mô hình điều trị nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy để rút kinh nghiệm, tổ chức chỉ đạo triển khai, nhân rộng các hình thức, mô hình điều trị nghiện có hiệu quả; kịp thời đề xuất, kiến nghị những vấn đề vướng mắc, khó khăn về pháp luật, cơ chế quản lý và các điều kiện đảm bảo thực hiện.

2. Tiếp tục duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo thống kê người nghiện ma túy trên địa bàn Thành phố để kịp thời bổ sung, điều chỉnh, thống kê chính xác số liệu người nghiện ma túy hiện có trên địa bàn Thành phố theo định kỳ nhằm phục vụ có hiệu quả công tác quản lý người nghiện; xây dựng các kế hoạch, đề án tổ chức cai nghiện; tăng cường các giải pháp phòng, chống tội phạm ma túy và kiềm chế sự gia tăng số người nghiện ma túy. Trước mắt, tổ chức quản lý có hiệu quả đối với người nghiện, người sử dụng ma túy đã được xác lập hồ sơ.

3. Rà soát, đề nghị ban hành, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy, nhất là công tác phòng ngừa, quản lý và tổ chức điều trị nghiện ma túy nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy.

4. Tiến hành rà soát lại chức năng của 13 Trung tâm cai nghiện ma túy do Thành phố quản lý, trên cơ sở đó, có phương án quy hoạch, chuyển đổi loại hình điều trị nghiện, tổ chức lại thành các cơ sở cai nghiện tự nguyện, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng và cơ sở cai nghiện bắt buộc đáp ứng yêu cầu công tác cai nghiện, đa dạng hóa các hình thức tổ chức cai nghiện và đảm bảo điều kiện áp dụng biện pháp xử lý đối với người nghiện theo quy định pháp luật. Trước mắt, tập trung hoàn thiện chức năng của 03 cơ sở xã hội đã được chuyển đổi (Nhị Xuân, Bình Triệu và Thanh thiếu niên 2), tiếp tục hoàn chỉnh, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự, quy chế hoạt động và các điều kiện đảm bảo khác của cơ sở xã hội... đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, điều trị cắt cơn, giải độc và tư vấn tâm lý cho người nghiện, người sử dụng ma túy theo đúng chức năng và quy định của pháp luật.

Việc tổ chức chuyển đổi chức năng các cơ sở điều trị được thực hiện theo hướng: Cơ sở điều trị nghiện tự nguyện tiếp nhận điều trị cho người nghiện ma túy tự nguyện vào điều trị; Cơ sở xã hội tiếp nhận và điều trị cắt cơn, giải độc và tư vấn tâm lý cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lập hồ sơ để phân loại xử lý chuyển về gia đình, cộng đồng, đến cơ sở điều trị nghiện tự nguyện hoặc chuyển Tòa án xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của pháp luật (không tổ chức lao động sản xuất cho bệnh nhân trong cơ sở xã hội, kể cả lao động trị liệu); Cơ sở cai nghiện bắt buộc tiếp nhận và điều trị người nghiện ma túy theo quyết định của Tòa án, không tiếp nhận các đối tượng khác.

5. Tổ chức rà soát lại kết quả thực hiện của từng đơn vị, địa phương theo chỉ đạo tại Kế hoạch số 3937/KH-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; trên cơ sở đó, tập trung chỉ đạo thực hiện hoàn thành yêu cầu nhiệm vụ, các chỉ tiêu đã đề ra để tổ chức sơ kết Kế hoạch thực hiện Chiến lược nói trên trong giai đoạn 2012 - 2015, làm cơ sở đề ra phương hướng, nhiệm vụ thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ nội dung, yêu cầu chỉ đạo tại Kế hoạch này và theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai, thực hiện. Định kỳ thực hiện chế độ báo cáo công tác của Kế hoạch này theo quy định tại Kế hoạch số 6432/KH-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Công an Thành phố:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức sơ kết giai đoạn 2012 - 2015 việc thực hiện Kế hoạch số 3937/KH-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn

Thành phố Hồ Chí Minh và triển khai chương trình thực hiện giai đoạn 2016 - 2020;

- Thường xuyên rà soát, thống kê, phân loại người nghiện, đảm bảo quản lý hồ sơ người nghiện ma túy chính xác, khách quan; tổ chức sơ kết đánh giá, rút kinh nghiệm việc lựa chọn và triển khai thực hiện chuyển hóa 51 địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả.

- Chỉ đạo Công an địa phương, đơn vị nghiệp vụ liên quan lập hồ sơ đề nghị xử lý người nghiện, người sử dụng ma túy theo quy định pháp luật; hỗ trợ đưa người có Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bảo đảm an ninh trật tự cho các cơ sở điều trị nghiện ma túy trên địa bàn Thành phố;

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào vận động quần chúng nhân dân tham gia tố giác tội phạm ma túy, báo tin về các tụ điểm, đối tượng mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy tại các khu dân cư, cơ quan, trường học, khu vực công cộng...

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch và tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Chính phủ, các Bộ - ngành Trung ương, Thành ủy và Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành, đơn vị và địa phương có liên quan rà soát, xây dựng và thực hiện phương án sắp xếp, nâng cấp cải tạo lại các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động Xã hội (cơ sở cai nghiện bắt buộc) do Thành phố quản lý theo Nghị quyết số 98/NQ-CP để đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa các hình thức cai nghiện và đảm bảo điều kiện áp dụng biện pháp xử lý đối với người nghiện theo quy định pháp luật.

- Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, tại cộng đồng trên địa bàn Thành phố; khảo sát, đánh giá hiệu quả công tác quản lý, giáo dục, giúp đỡ người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng; nhân rộng các mô hình hỗ trợ, giúp đỡ người sau cai nghiện có hiệu quả và các biện pháp phòng, chống tái nghiện và vi phạm pháp luật của người được hồi gia.

4. Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức hướng dẫn, tập huấn cho đội ngũ cán bộ y tế về điều trị cắt cơn, giải độc, phục hồi sức khỏe cho người nghiện ma túy; kiểm tra hoạt động y tế của các cơ sở điều trị nghiện ma túy; hướng dẫn các địa phương nâng cấp, cải tạo, xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị và chuẩn bị nhân sự để thành lập các cơ sở điều trị tự nguyện và phát triển các cơ sở điều trị bằng thuốc Methadone thành cơ sở điều trị toàn diện, cơ sở cấp phát thuốc thay thế thành các điểm tư vấn, chăm sóc hỗ trợ điều trị tại cộng đồng; tổ chức đánh giá hiệu quả, rút kinh nghiệm những mặt hạn chế về thực hiện chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone trên địa bàn Thành phố trong thời gian qua nhằm nâng cao hiệu quả điều trị, tiếp tục triển khai thực hiện mở rộng, thực hiện xã hội hóa và đầu tư hợp lý kinh phí đảm bảo thực hiện Chương trình.

- Phối hợp với các Sở - ngành liên quan tổ chức rà soát, báo cáo đánh giá thực trạng công tác quản lý, kiểm soát việc mua bán, sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, tiền chất sử dụng trong lĩnh vực y tế trên địa bàn Thành phố và đề xuất, kiến nghị các giải pháp, biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm soát nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng để sản xuất, điều chế trái phép các chất ma túy hoặc mua bán, vận chuyển trái phép các loại tiền chất ra nước ngoài.

5. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí nguồn kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch này; tham mưu về nội dung, mức chi cho công tác lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc...; thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch hàng năm, ưu tiên phân bổ kinh phí cho các mô hình phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy có hiệu quả; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

6. Sở Tư pháp: Chủ trì, phối hợp các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện nghiên cứu, rà soát những khó khăn vướng mắc, những nội dung, quy định chưa phù hợp thực tiễn của văn bản quy phạm pháp luật về áp dụng

các biện pháp xử lý hành chính đối với người nghiện ma túy, về cai nghiện ma túy đề đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị Chính phủ, các Bộ - ngành có liên quan sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo: Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa tuyên truyền phòng, chống tác hại của ma túy trong các trường học nhằm giáo dục ý thức tự bảo vệ, tránh xa ma túy trong học sinh, sinh viên; nghiên cứu đưa chương trình phòng, chống mại dâm, ma túy, HIV/AIDS, giáo dục giới tính vào chương trình giảng dạy chính khóa hoặc ngoại khóa trong nhà trường; tăng cường biện pháp kiểm tra, quản lý để kịp thời ngăn chặn tệ nạn mại dâm, ma túy xâm nhập trong học sinh, sinh viên. Xây dựng quy chế quản lý học sinh, sinh viên trong và ngoài nhà trường để giáo dục học sinh, sinh viên có nếp sống, lối sống lành mạnh không vi phạm tệ nạn xã hội nói chung và tệ nạn ma túy, mại dâm nói riêng.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt các quy định pháp luật về phòng chống ma túy, mại dâm; tập trung tuyên truyền về tác hại của ma túy, vận động người nghiện ma túy, gia đình có người nghiện ma túy tự giác khai báo và đăng ký để được giúp đỡ cai nghiện ma túy tại gia đình, tại cộng đồng ở phường, xã, thị trấn, đặc biệt hướng đến các đối tượng thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên với nội dung nhấn mạnh tác hại của ma túy tổng hợp. Phổ biến các quy định của nhà nước về hoạt động kinh doanh, sử dụng tiền chất nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm của các cơ sở, doanh nghiệp đối với công tác quản lý, sử dụng tiền chất, kịp thời cung cấp thông tin tố giác các hành vi vi phạm.

9. Ủy ban nhân dân quận, huyện:

- Tập trung chỉ đạo chấn chỉnh hoạt động kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý xã hội tại địa bàn cơ sở, kịp thời phát hiện, đề xuất điều chỉnh, bổ sung hoặc kiến nghị sửa đổi những quy định quản lý nhà nước hiện hành không phù hợp, nhất là trong lĩnh vực quản lý cai nghiện ma túy, quản lý tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, tân dược có chứa chất gây nghiện; lĩnh vực quản lý và cấp phép hoạt động kinh doanh, dịch vụ nhạy cảm về an ninh trật tự.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với việc tập trung đấu tranh chuyên hóa các tuyến, địa

bàn, tụ điểm phức tạp; kiểm tra phát hiện và xử lý kịp thời tội phạm, tệ nạn ma túy, mại dâm lợi dụng các loại hình kinh doanh dịch vụ “nhạy cảm” để sử dụng và tổ chức sử dụng các chất ma túy, nhất là ma túy tổng hợp; kịp thời phát hiện, xác định người nghiện ma túy mới bổ sung số liệu thống kê và tái nghiện ma túy để áp dụng biện pháp cai nghiện theo pháp luật./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2318/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án
“Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu công nghiệp,
khu chế xuất đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020” (sau đây gọi tắt là Đề án 404);

Xét đề nghị của Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố tại Tờ trình số 23/TTr-HPN ngày 20 tháng 11 năm 2014 và của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1401/TTr-GDĐT-VP ngày 13 tháng 5 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Y tế, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Chủ tịch Hội

Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Thủ trưởng các Sở ngành Thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án

**“Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tự thực ở khu công nghiệp,
khu chế xuất đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2318/QĐ/UBND

Ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tự thực ở khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020” (sau đây gọi tắt là Đề án 404);

Căn cứ thực trạng tình hình nhóm trẻ độc lập tự thực ở khu công nghiệp, khu chế xuất tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tự thực ở khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Hỗ trợ việc kiện toàn, phát triển nhóm trẻ độc lập tự thực tại khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất nhằm góp phần hỗ trợ nữ công nhân lao động có con dưới 36 tháng tuổi.

II. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Hỗ trợ kiện toàn, phát triển nâng chất lượng các nhóm trẻ độc lập tự thực tại các khu công nghiệp, khu chế xuất nhằm giúp người lao động có con dưới 36 tháng tuổi yên tâm công tác.

- Tăng tỷ lệ trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi được đi học.

- Nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ dưới 36 tháng tuổi đối với đội ngũ là chủ nhóm, giáo viên và người giữ trẻ.

- Nâng cao nhận thức của người dân và cộng đồng về công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

III. NHIỆM VỤ

- Hỗ trợ, kiện toàn, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục tại cộng đồng.
- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho người quản lý, giáo viên, bảo mẫu các nhóm trẻ độc lập tư thục và các bà mẹ, người chăm sóc trẻ dưới 36 tháng tuổi tại khu công nghiệp, khu chế xuất.
- Tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao nhận thức tại cộng đồng; phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương, đoàn thể và các ngành liên quan trong quản lý nhóm trẻ.
- Xây dựng và áp dụng cơ chế bảo đảm và nâng cao chất lượng của nhóm trẻ độc lập tư thục tại cộng đồng; tăng cường vai trò của các cấp Hội Phụ nữ trong công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.
- Nghiên cứu, rà soát và đề xuất chính sách nhằm hỗ trợ phụ nữ có con dưới 36 tháng tuổi là công nhân lao động, nhất là ở các khu công nghiệp, khu chế xuất.
- Quản lý, theo dõi, giám sát và đánh giá việc triển khai Đề án.

IV. THỰC TRẠNG

1. Kết quả đạt được:

Ngành Giáo dục mầm non Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua phát triển mạnh mẽ về quy mô, số lượng và chất lượng.

	Năm học 2010 - 2011	Năm học 2011 - 2012	Năm học 2012 - 2013	Năm học 2013 - 2014	Năm học 2014 - 2015
Số trường	707	777	827	912	939
Số nhóm, lớp độc lập	988	1.134	1.243	1.469	1.518
Tổng số trẻ - Trong đó	284.185	304.572	326.131	331.231	321.670
Nhà trẻ	51.289	55.900	53.708	65.905	60.484
Tỷ lệ	32.9%	39.8%	31.1%	34.6%	32.4%
Mẫu giáo	232.896	248.672	272.423	265.326	261.186
Tỷ lệ	90%	95%	93.6%	89.8%	91.3%
Số giáo viên	13.983	14.882	16.576	18.585	19.230

Ngành học mầm non đã tổ chức nhiều chuyên đề như: đổi mới tổ chức bữa ăn, đổi mới hoạt động làm quen chữ viết, đánh giá giáo viên tổ chức hoạt động vui chơi,

đổi mới hoạt động giáo dục âm nhạc, đổi mới hoạt động tạo hình, nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động... nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ngày càng tốt hơn.

Giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn hiện nay trên 69%, đa số giáo viên ứng dụng được công nghệ thông tin trong việc lập kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhiều trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia. Toàn Thành phố có 94 trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 06 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Hiện nay Thành phố đã thực hiện thí điểm nhận trẻ từ 6 - 18 tháng tuổi tại 8 quận, huyện góp phần tăng tỷ lệ trẻ dưới 36 tháng tuổi đến trường.

Về cơ chế quản lý, căn cứ các quy định pháp luật: Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện chỉ quản lý, chỉ đạo về chuyên môn và tham mưu cấp giấy phép hoạt động cho các cơ sở mầm non ngoài công lập. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) cấp phép thành lập cho nhóm, lớp; Ủy ban nhân dân quận, huyện cấp phép thành lập cho trường Mầm non ngoài công lập.

Ủy ban nhân dân Thành phố đã chỉ đạo các quận, huyện tạo điều kiện cho các cơ sở mầm non ngoài công lập được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, tham gia phong trào thi đua, khen thưởng như các trường công lập trong quận, huyện và phân công Ban Giám hiệu của các trường công lập theo dõi, hỗ trợ các cơ sở mầm non ngoài công lập trên địa bàn về chuyên môn.

2. Một số hạn chế, khó khăn:

- Sự gia tăng dân số cơ học quá nhanh dẫn đến việc xây dựng trường lớp chưa đáp ứng nhu cầu gửi trẻ, nhiều quận, huyện phải xây dựng trường Mầm non liên phường vì không còn đất để xây trường Mầm non. Đặc biệt là khu công nghiệp, khu chế xuất còn thiếu trường lớp trầm trọng. Số lượng trường lớp công lập cả Thành phố chỉ đáp ứng việc thu nhận 48,7% tổng số trẻ, 51,3% còn lại học ở các trường lớp tư thục.

- Hiện nay số trẻ từ 3 tháng đến 36 tháng tuổi ở các khu công nghiệp, khu chế xuất là 12.721. Số trẻ được đi học ở trường là 2.827 tỷ lệ 22,2%, số trẻ đi học ở nhóm lớp có phép là 2.531 tỷ lệ 19,8% và số trẻ đi học ở nhóm lớp không phép là 1.350 tỷ lệ 10,6%. Như vậy số trẻ đang học tại các nhóm lớp chiếm tỷ lệ cao.

- Còn nhiều nhóm trẻ chưa đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, giáo viên, đồ chơi trang thiết bị. Người nuôi giữ trẻ ở các cơ sở không phép vừa thiếu vừa chưa được

đào tạo đạt chuẩn, vẫn còn tồn tại nhóm lớp không phép và hộ giữ trẻ gia đình gây khó khăn cho công tác quản lý.

- Các trường công lập nhận rất ít trẻ nhóm nhỏ (6 - 18 tháng) và trong một trường số nhóm nhà trẻ cũng ít so với số lớp mẫu giáo. Vì vậy tỷ lệ trẻ đi học nhà trẻ chưa cao.

- Trường công lập tổ chức nhận trẻ trong giờ hành chính nên chưa tạo điều kiện cho công nhân, người lao động làm theo ca gửi trẻ.

V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Năm học 2014 - 2015:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tại 10 quận, huyện có các khu công nghiệp, khu chế xuất (Quận 2, Quận 7, Quận 12, quận Bình Tân, quận Tân Phú, quận Tân Bình, quận Thủ Đức, huyện Bình Chánh, huyện Củ Chi và Nhà Bè).

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kế hoạch đến chính quyền các cấp, các ban ngành đoàn thể và nhân dân nhằm tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng.

- Rà soát các nhóm trẻ tại địa bàn quận, huyện, đề xuất các giải pháp để kiện toàn, nâng chất lượng các nhóm.

Năm học 2015 - 2016:

- Chọn thí điểm tại 4 quận: Bình Tân, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức.

- Mỗi quận kiện toàn nâng chất lượng 30% nhóm trẻ trên địa bàn. Hỗ trợ nâng chất lượng 20 nhóm (5 nhóm/quận. Trong đó hoàn chỉnh 3 nhóm có phép và xây dựng hoàn chỉnh để cấp phép 2 nhóm) 8 nhóm mới và 12 nhóm cũ.

- 80% người nuôi giữ trẻ và 90% chủ nhóm của 4 quận: Bình Tân, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng chăm sóc trẻ và được giáo dục đạo đức lương tâm nghề nghiệp.

- 50% các bà mẹ ở khu công nghiệp, khu chế xuất của các quận: Bình Tân, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức được tuyên truyền nâng cao nhận thức chăm sóc giáo dục trẻ dưới 36 tháng tuổi.

Năm học 2016 - 2017:

- Tiếp tục triển khai ở 6 quận, huyện: Quận 2, Quận 7, Quận 12 và huyện Bình Chánh, Củ Chi, Nhà Bè. Kiện toàn 30% nhóm trẻ của 6 quận, huyện. Hỗ trợ nâng

chất lượng 30 nhóm (5 nhóm/quận, huyện. Trong đó hoàn chỉnh 3 nhóm có phép và xây dựng hoàn chỉnh để cấp phép 2 nhóm) 12 nhóm mới và 18 nhóm cũ.

- Kiện toàn 50% nhóm trẻ của quận Bình Tân, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức. Hỗ trợ 20 nhóm (5 nhóm/quận. Trong đó hoàn chỉnh 4 nhóm có phép và xây dựng hoàn chỉnh để cấp phép 1 nhóm) 16 nhóm cũ và 4 nhóm mới.

- Phân đầu 35% trẻ dưới 36 tháng tuổi tại địa bàn triển khai Đề án được gửi trong các cơ sở giáo dục mầm non có phép và đảm bảo chất lượng.

- 85% người nuôi giữ trẻ và 95% chủ nhóm của quận Bình Tân, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng chăm sóc trẻ và được giáo dục đạo đức lương tâm nghề nghiệp.

- 80% người nuôi giữ trẻ và 90% chủ nhóm của Quận 2, Quận 7, Quận 12 và huyện Bình Chánh, Củ Chi, Nhà Bè được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng chăm sóc trẻ và được giáo dục đạo đức lương tâm nghề nghiệp.

- 80% các bà mẹ ở khu công nghiệp, khu chế xuất của các quận: Bình Tân, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức và 50% các bà mẹ ở khu công nghiệp, khu chế xuất của Quận 2, Quận 7, Quận 12 và huyện Bình Chánh, Củ Chi, Nhà Bè được tuyên truyền nâng cao nhận thức chăm sóc giáo dục trẻ dưới 36 tháng tuổi.

Năm học 2017 - 2018:

- Kiện toàn 80% nhóm trẻ và hỗ trợ hoàn chỉnh 20 nhóm cũ có phép của 4 quận Bình Tân, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức.

- Kiện toàn 50% nhóm trẻ và hỗ trợ nâng chất lượng 30 nhóm (5 nhóm/ quận, huyện; 24 nhóm cũ và 6 nhóm mới. Trong đó hoàn chỉnh 4 nhóm có phép và xây dựng hoàn chỉnh để cấp phép 1 nhóm) của Quận 2, Quận 7, Quận 12, huyện Bình Chánh, Củ Chi, Nhà Bè.

- Phân đầu 45% trẻ dưới 36 tháng tuổi tại địa bàn triển khai Đề án được gửi trong các cơ sở giáo dục mầm non có phép và đảm bảo chất lượng.

- 90% người nuôi giữ trẻ và 100% chủ nhóm của quận Bình Tân, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng chăm sóc trẻ và được giáo dục đạo đức lương tâm nghề nghiệp.

- 85% người nuôi giữ trẻ và 95% chủ nhóm của Quận 2, Quận 7, Quận 12 và huyện Bình Chánh, Củ Chi, Nhà Bè được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng chăm sóc trẻ và được giáo dục đạo đức lương tâm nghề nghiệp.

- 90% các bà mẹ ở khu công nghiệp, khu chế xuất của các quận: Bình Tân, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức và 80% các bà mẹ ở khu công nghiệp, khu chế xuất của các Quận 2, Quận 7, Quận 12 và huyện Bình Chánh, Củ Chi, Nhà Bè được tuyên truyền nâng cao nhận thức chăm sóc giáo dục trẻ dưới 36 tháng tuổi.

- Riêng các quận, huyện không nằm trong kế hoạch thực hiện của Đề án thì tùy điều kiện thực tế cần xây dựng lộ trình kiện toàn các nhóm, lớp độc lập tự thực trên địa bàn.

Năm học 2018 - 2019:

- Kiện toàn 100% nhóm trẻ và hỗ trợ hoàn chỉnh 20 nhóm cũ có phép của 4 quận Bình Tân, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức.

- Kiện toàn 80% nhóm trẻ và hỗ trợ nâng chất lượng 30 nhóm cũ có phép của Quận 2, Quận 7, Quận 12, huyện Bình Chánh, Củ Chi, Nhà Bè.

- Phần đầu 55% trẻ dưới 36 tháng tuổi tại địa bàn triển khai Đề án được gửi trong các cơ sở giáo dục mầm non có phép và đảm bảo chất lượng.

- 95% người nuôi giữ trẻ và 100% chủ nhóm của quận Bình Tân, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng chăm sóc trẻ và được giáo dục đạo đức lương tâm nghề nghiệp.

- 90% người nuôi giữ trẻ và 100% chủ nhóm của Quận 2, Quận 7, Quận 12 và huyện Bình Chánh, Nhà Bè, Củ Chi được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng chăm sóc trẻ và được giáo dục đạo đức lương tâm nghề nghiệp.

- 95% các bà mẹ ở khu công nghiệp, khu chế xuất của các quận: Bình Tân, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức và 90% các bà mẹ ở khu công nghiệp, khu chế xuất của các Quận 2, Quận 7, Quận 12 và huyện Bình Chánh, Củ Chi, Nhà Bè được tuyên truyền nâng cao nhận thức chăm sóc giáo dục trẻ dưới 36 tháng tuổi.

Năm học 2019 - 2020:

- 100% nhóm lớp của 10 quận, huyện được kiện toàn, đảm bảo chất lượng.

- 100% chủ nhóm, giáo viên và người giữ trẻ được tập huấn.

- Phần đầu 70% trẻ dưới 36 tháng tuổi tại địa bàn triển khai Đề án được gửi trong các cơ sở giáo dục mầm non có phép và đảm bảo chất lượng.

- Hỗ trợ hoàn chỉnh 30 nhóm có phép của 6 Quận 2, Quận 7, Quận 12, huyện Bình Chánh, Củ Chi, Nhà Bè.

- 95% các bà mẹ ở khu công nghiệp, khu chế xuất tại địa bàn triển khai Đề án được tuyên truyền nâng cao nhận thức chăm sóc giáo dục trẻ dưới 36 tháng tuổi.

VI. CÁC GIẢI PHÁP

1. Rà soát thống kê số nhóm trẻ độc lập tự thực trên địa bàn các quận, huyện có khu công nghiệp, khu chế xuất. Từ đó, nắm được số nhóm trẻ cần kiện toàn và hỗ trợ.

Thống kê nhóm có phép, không phép để có biện pháp quản lý tốt.

Kiên quyết đóng cửa đối với các nhóm không đảm bảo điều kiện an toàn cho trẻ.

Yêu cầu thực hiện cam kết với địa phương đối với các hộ giữ trẻ tự phát với số nhóm dưới 7 trẻ.

2. Hỗ trợ nhóm lớp ngoài công lập:

Đối với các nhóm lớp chưa được cấp phép: hướng dẫn các thủ tục về hồ sơ đối với các nhóm trẻ đủ điều kiện để cấp phép hoạt động theo quy định.

Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chăm sóc giáo dục trẻ và đạo đức lương tâm nghề nghiệp cho chủ nhóm, giáo viên và người giữ trẻ.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức tại cộng đồng; phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương, đoàn thể và các ngành liên quan trong quản lý nhóm trẻ.

4. Phát huy xã hội hóa: kêu gọi các mạnh thường quân, nhà đầu tư hỗ trợ cho các nhóm trẻ được vay vốn để cải tạo, nâng cấp, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

5. Đào tạo bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ chủ nhóm, giáo viên và người giữ trẻ. Sử dụng:

- Kinh phí từ nguồn đề án.

- Kinh phí ngân sách thực hiện Đề án của quận, huyện.

- Tổ chức các lớp tập huấn cho chủ nhóm, giáo viên và các chuyên đề cho người giữ trẻ chưa có trình độ văn hóa trung học cơ sở để tham gia các lớp tập huấn.

6. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trường lớp:

Ủy ban nhân dân quận, huyện khẩn trương thực hiện các dự án xây dựng trường Mầm non theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố, đảm bảo đến năm 2020 tỷ lệ trẻ học Mẫu giáo công lập: 60%; ngoài công lập: 40%

(trong đó 35% trường; 5% nhóm lớp). Tỷ lệ trẻ học Nhà trẻ công lập: 40%; ngoài công lập 60% (trong đó 50% trường; 10% nhóm lớp).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Là cơ quan thường trực, phối hợp với sở ngành liên quan để trình Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các chế độ, chính sách, cấp phát kinh phí theo yêu cầu của đề án.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức chọn điểm triển khai và từng bước nhân rộng trên khu vực có khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đạt chuẩn.

- Lập kế hoạch, tiến độ triển khai đề án chi tiết.

- Chủ trì phối hợp với các sở ngành tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện Đề án, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Có kế hoạch kiểm tra giám sát tiến độ thực hiện của Đề án.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết về thực hiện Đề án, rút kinh nghiệm trình Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo kịp thời những phát sinh trong quá trình thực hiện Đề án.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức kiểm tra, giám sát và điều phối các hoạt động của Đề án và tổ chức các hội nghị, hội thảo sơ, tổng kết việc thực hiện Đề án.

- Tổng hợp và thực hiện chế độ báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án theo chỉ đạo.

2. Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố:

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai thực hiện Đề án. Tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đối tượng thụ hưởng của Đề án.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổng hợp số nhóm trẻ được hỗ trợ, phát triển từng năm về Ban Điều hành Đề án Trung ương trên cơ sở chỉ tiêu nhóm trẻ được phân bổ cho từng quận, huyện theo từng giai đoạn.

- Phối hợp tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Đề án theo kế hoạch đã được phê duyệt; tăng cường vai trò của các cấp Hội Phụ nữ trong việc giám sát các nhóm trẻ độc lập.

- Thường xuyên tuyên truyền cho các bà mẹ về việc nuôi dạy trẻ an toàn, kiên quyết không gửi trẻ ở những điểm giữ trẻ không phép; phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức của phụ huynh, đặc biệt là các gia đình có con gửi ở các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, nhóm trẻ gia đình; tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chủ nhóm và người giữ trẻ ở các nhóm lớp độc lập tư thực, nhóm trẻ gia đình trong việc chăm sóc và bảo đảm an toàn cho trẻ, áp dụng kiến thức giáo dục mầm non trong nuôi dạy, chăm sóc trẻ em.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Phối hợp triển khai thực hiện Đề án theo chức năng nhiệm vụ.

- Hướng dẫn Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện phối hợp giám sát việc thực hiện Quyền trẻ em, chế độ chính sách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại các nhóm trẻ độc lập tư thực.

4. Sở Y tế:

- Phối hợp triển khai thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các nhóm trẻ độc lập tư thực thực hiện chăm sóc sức khỏe cho trẻ theo quy định và phối hợp tổ chức khám sức khỏe định kỳ tại các nhóm trẻ độc lập tư thực.

5. Liên đoàn Lao động Thành phố:

- Phối hợp triển khai thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn chăm sóc con cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Phối hợp nghiên cứu, đề xuất các chính sách có liên quan, trong đó đề xuất các chính sách nhằm hỗ trợ nữ công nhân lao động có con dưới 36 tháng tuổi, nhất là ở các khu công nghiệp, khu chế xuất.

6. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố:

- Có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức trong quá trình thực hiện Đề án.

- Sử dụng một phần đất của khu quy hoạch công cộng trong các khu chế xuất, khu công nghiệp để xây dựng trường mầm non, đảm bảo đủ chỗ học cho con của công nhân, người lao động đang làm việc trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành điều chỉnh quy hoạch theo quy định.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính: Có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị tham gia thực hiện Đề án xây dựng dự toán kinh phí hàng năm và căn cứ trên đó để phân bổ kinh phí thực hiện Đề án.

8. Ủy ban nhân dân 10 quận, huyện thực hiện Đề án:

- Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tự thực ở khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020*” (gọi tắt là Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 404) gồm: đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận - huyện; Hội Liên hiệp Phụ nữ quận - huyện; Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Tài chính; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Trung tâm Y tế; Liên đoàn Lao động quận - huyện, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Công ty Kinh doanh và phát triển hạ tầng khu chế xuất, khu công nghiệp trên địa bàn quận - huyện, trong đó lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận - huyện là Trưởng Ban, lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hội Liên hiệp Phụ nữ là Phó Ban.

- Chọn địa bàn có khu công nghiệp, khu chế xuất có đông công nhân lao động làm điểm thực hiện Đề án; đồng thời, tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Đề án đến các địa bàn được chọn thực hiện điểm. Xác định, đăng ký số nhóm trẻ được hỗ trợ, phát triển từng năm về Ban Chỉ đạo Đề án Thành phố trên cơ sở chỉ tiêu nhóm trẻ được phân bổ cho từng quận, huyện theo từng giai đoạn.

- Kinh phí thực hiện Đề án trên cơ sở kế hoạch tổng thể và định hướng hoạt động của Ban Chỉ đạo Đề án Thành phố.

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ban, ngành, đoàn thể chức năng thực hiện thí điểm để rút kinh nghiệm và nhân rộng.

- Có kế hoạch kiểm tra giám sát tiến độ thực hiện của Đề án.

9. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố: Tổ chức giám sát hoạt động giáo dục, chăm sóc và nuôi dạy trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập và nhóm trẻ gia đình, phát hiện kịp thời những điểm giữ trẻ không phép để kịp thời phối hợp chấn chỉnh, xử lý những sai phạm.

VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án bao gồm:

+ Từ nguồn ngân sách Nhà nước: kinh phí thực hiện Đề án thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành quy định tại Luật Ngân sách nhà nước.

+ Từ sự hỗ trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm trên địa bàn dân cư.

Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm, các đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện theo nội dung chi và mức chi hướng dẫn tại Thông tư số 143/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Đề án "*Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập, tư thục ở khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020*" từ nguồn ngân sách nhà nước; tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách Nhà nước của cơ quan, đơn vị, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ ngân sách địa phương, xây dựng kế hoạch phân bổ kinh phí cho các phòng ban chuyên môn và Hội Liên hiệp Phụ nữ quận - huyện thực hiện các nội dung hoạt động của Đề án.

Khuyến khích huy động nguồn lực ngoài ngân sách và xã hội hóa các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất cho các nhóm trẻ.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện đúng nội dung và đảm bảo tiến độ thời gian kế hoạch đã đề ra./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2383/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kiến trúc sư
Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo Biên bản Đại hội đại biểu Hội Kiến trúc sư Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ VII (2015 - 2020) vào ngày 04 tháng 4 năm 2015;

Xét đề nghị của Hội Kiến trúc sư Thành phố tại Công văn số 70/HKTS ngày 27 tháng 4 năm 2015 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1608/TTr-SNV ngày 12 tháng 5 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kiến trúc sư Thành phố Hồ Chí Minh đã được Đại hội đại biểu Hội Kiến trúc sư Thành

phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ VII (2015 - 2020) thông qua ngày 03, 04 tháng 4 năm 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động (sửa đổi) Hội Kiến trúc sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Thành phố và Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tất Thành Cang

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI KIẾN TRÚC SƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2383/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: HỘI KIẾN TRÚC SƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
2. Tên tiếng nước ngoài: HCMC (HOCHIMINH CITY) ASSOCIATION OF ARCHITECTS
3. Tên viết tắt: H.A.A
4. Biểu tượng:



Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Kiến trúc sư Thành phố Hồ chí Minh (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của các Kiến trúc sư thường trú và đang làm việc tại Thành phố Hồ chí Minh, tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

- Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Trụ sở của Hội đặt tại số 88 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

- Hội hoạt động trên phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh, trong lĩnh vực hành nghề Kiến trúc sư và các lĩnh vực khác thuộc về xây dựng, kiến trúc.

- Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh và là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II**QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ****Điều 6. Quyền hạn**

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy

định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Là công dân Việt Nam thường trú và đang làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc là các tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, kiến trúc, có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: là các doanh nghiệp liên doanh và các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, có đóng góp cho sự nghiệp phát triển Hội, tán thành Điều lệ Hội thì được Hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết.

c) Hội viên danh dự: Công dân Việt Nam, các tổ chức không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được công nhận là hội viên liên kết hoặc hội viên danh dự.

d) Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của Hội, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức: Sau 02 năm tốt nghiệp Đại học Kiến trúc và hành nghề kiến trúc sư.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra Hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:

a) Các Kiến trúc sư đủ tiêu chuẩn ở Điểm a, b Khoản 1 Điều 8 Điều lệ này làm đơn xin vào Hội Kiến trúc sư Thành phố Hồ Chí Minh (theo mẫu). Kèm bản sao văn bằng (có công chứng); 02 ảnh cá nhân 4x6; bản tóm tắt quá trình công tác (có ý kiến của đơn vị đang công tác).

b) Ban Thường vụ Hội Kiến trúc sư Thành phố xem xét công nhận.

2. Thủ tục ra Hội:

a) Các hội viên không muốn sinh hoạt Hội, đều có thể làm đơn xin ra khỏi Hội.

b) Các hội viên không thực hiện nghĩa vụ tại Điều 10 Điều lệ này thì Ban Thường vụ Hội xem xét để làm thủ tục đưa ra Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng.
6. Các tổ chức thuộc Hội.

Điều 13. Đại Hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội;

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Ấn định số lượng Ban chấp hành và Bầu Ban Chấp hành;

đ) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội.

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội.

c) Quyết định chương trình kế hoạch công tác hàng năm của Hội.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 10% so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

- Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Hội.

- Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 lần (06 tháng 01 lần), có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành.

- Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định.

- Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

- Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

- Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

- Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

- Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

- Ban Thường vụ mỗi tháng họp 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

- Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

- Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban và một số ủy viên do Ban Chấp hành Hội bầu ra. Trưởng ban là Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Trưởng ban quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

- Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

- Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội:

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

- Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

- Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

- Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban thường vụ bầu trong số các ủy viên Ban thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Các tổ chức thuộc Hội

Hội có các Chi hội cơ sở trực thuộc được thành lập theo quyết định của Ban Chấp hành Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 19. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 20. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao;
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ.

Điều 21. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 22. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 23. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Kiến trúc sư Thành phố Hồ Chí Minh mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kiến trúc sư Thành phố Hồ Chí Minh gồm VIII Chương, 25 Điều đã được Đại hội đại biểu Hội Kiến trúc sư Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ VII (2015-2020) thông qua ngày 03, 04 tháng 4 năm 2015 tại Thành phố Hồ Chí Minh và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Kiến trúc sư Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2525/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai
Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ ban hành Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Xét đề nghị của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tại Tờ trình số 41/TTr-PCTT ngày 17 tháng 3 năm 2015 và của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1461/TTr-SNV ngày 24 tháng 4 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố (sau đây gọi tắt là Quỹ)

1. Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

2. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý hoạt động của Quỹ theo quy định.

3. Trụ sở của cơ quan quản lý Quỹ đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

1. Nguyên tắc hoạt động:

a) Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

b) Việc quản lý, sử dụng Quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả, đúng theo quy định của pháp luật.

c) Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước theo quy định.

d) Tồn Quỹ cuối năm được chuyển sang năm sau.

2. Chức năng:

a) Tiếp nhận, quản lý kinh phí đóng góp của các tổ chức và cá nhân cư trú trên địa bàn Thành phố theo Quyết định hàng năm của Ủy ban nhân dân Thành phố và các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

b) Cấp phát kinh phí từ Quỹ chi cho các hoạt động phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý Quỹ:

a) Tham mưu Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn việc lập, phê duyệt, thông báo Kế hoạch thu Quỹ hàng năm đối với từng cơ quan, đơn vị, quận - huyện trên địa bàn Thành phố theo quy định.

b) Tổng hợp các trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ hàng năm. Trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ do ảnh hưởng thiệt hại thiên tai đột xuất gây ra thực hiện theo quy định hiện hành.

c) Chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa, phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ năm trước, lập kế hoạch thu - nộp, sử dụng Quỹ năm sau thông qua Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và Sở Tài chính (thực hiện trong quý I hàng năm) để tổ chức thẩm tra, phê duyệt và quyết toán Quỹ theo quy định hiện hành. Đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân

dân Thành phố báo cáo kết quả quản lý, thu - nộp, sử dụng Quỹ cho Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính.

đ) Công khai kết quả thu Quỹ, danh sách, đối tượng và mức thu Quỹ đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, từng quận - huyện và các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện; báo cáo quyết toán thu - chi, nội dung chi theo từng lĩnh vực, từng địa bàn quận - huyện theo hình thức công khai: niêm yết tại trụ sở Quỹ (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng góp Quỹ; đăng trên trang web của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

e) Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc thu - nộp, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán Quỹ, công khai thu - chi Quỹ theo quy định.

g) Cung cấp đầy đủ thông tin về Quỹ cho các cơ quan chức năng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức Hội liên quan để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định.

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) giúp Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý hoạt động của Quỹ.

2. Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) là cơ quan quản lý Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ là Chánh Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố. Giám đốc Quỹ trực tiếp chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ, có trách nhiệm bố trí cán bộ, công chức, viên chức thuộc Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định hiện hành.

Điều 4. Số dư của Quỹ Phòng, chống lụt, bão Thành phố và Quỹ Phòng, chống lụt, bão quận - huyện tính đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực được bàn giao về Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố để cơ quan quản lý Quỹ quản lý theo quy định

tại Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ ban hành Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai.

Giao Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức thực hiện bàn giao Quỹ Phòng, chống lụt, bão Thành phố và Quỹ Phòng, chống lụt, bão quận - huyện về Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố theo quy định hiện hành.

Các nội dung chi đã được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương từ nguồn Quỹ Phòng, chống lụt, bão Thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện chấp thuận chủ trương từ nguồn Quỹ Phòng, chống lụt, bão quận - huyện hiện đang triển khai thực hiện được tiếp tục sử dụng từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2602/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về thành lập Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Công văn số 5705/BTNMT-TCCB ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thành lập Văn phòng đăng ký đất đai và Trung tâm phát triển Quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 38/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9272/TTr-TNMT-VPĐK ngày 18 tháng 12 năm 2014 và Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1746/TTr-SNV ngày 21 tháng 5 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở hợp nhất Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường của 24 quận, huyện.

Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định

1. Tên giao dịch: Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố.

2. Trụ sở chính: Số 12 Phan Đăng Lưu, Phường 7, quận Bình Thạnh.

3. Chức năng: Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố có chức năng thực hiện đăng ký đất đai và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng, quản lý, cập nhật, chỉnh lý thống nhất hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai; cung cấp thông tin đất đai theo quy định cho các tổ chức, cá nhân theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Thực hiện việc đăng ký đất đai, đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thực hiện các thủ tục về cấp lần đầu, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở;

- Thực hiện việc đăng ký biến động đối với đất được Nhà nước giao quản lý, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định;

- Thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật;
- Lập, cập nhật, chỉnh lý, lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính và các giấy tờ khác hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định; tiếp nhận, quản lý việc sử dụng phôi Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật;
- Thu thập, cập nhật, chỉnh lý, đồng bộ hóa, khai thác dữ liệu đất đai; xây dựng, quản lý hệ thống thông tin đất đai theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện việc thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thực hiện đo đạc để chỉnh lý bản đồ địa chính; trích lục bản đồ địa chính; đo vẽ hiện trạng nhà ở và các công trình xây dựng khác trên đất để chỉnh lý biến động, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận;
- Kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất; kiểm tra, xác nhận sơ đồ nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do tổ chức, cá nhân cung cấp phục vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận;
- Cung cấp hồ sơ, bản đồ, thông tin, số liệu đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các dịch vụ về đo đạc, lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất, hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện việc thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;
- Quản lý viên chức, người lao động, tài chính và tài sản thuộc Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định hiện hành và tình hình thực hiện nhiệm vụ về các lĩnh vực công tác được giao;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến đăng ký, cấp Giấy chứng nhận do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường giao.

5. Cơ chế tài chính:

Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố thực hiện cơ chế tài chính là đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về quyền tự chủ, tự chịu

trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố. Sau khi Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư hướng dẫn về cơ chế tài chính đối với Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố sẽ điều chỉnh theo quy định.

Điều 2. Tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc

1. Tổ chức bộ máy:

- Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai có: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc.

- Giám đốc và Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường bổ nhiệm, miễn nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật và của Thành phố về công tác cán bộ.

2. Các tổ chức trực thuộc Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố gồm có:

a) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Phòng Hành chính - Tổng hợp;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Phòng Kỹ thuật Địa chính;
- Phòng Lưu trữ;
- Phòng Đăng ký và Cấp giấy chứng nhận.

Lãnh đạo các phòng chuyên môn có: Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng, việc bổ nhiệm Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng các phòng chuyên môn do Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố quyết định sau khi có ý kiến của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật và của Thành phố về công tác cán bộ.

b) Các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố có tên gọi: “Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai + tên (quận, huyện) và đặt tại các quận, huyện được tổ chức như sau:

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 1;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 2;

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 3;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 4;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 5;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 6;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 7;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 8;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 9;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 10;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 11;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 12;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Bình Thạnh;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Phú Nhuận;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Thủ Đức;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Gò Vấp;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Bình Tân;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Tân Bình;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Tân Phú;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Củ Chi;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hóc Môn;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Chánh;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Nhà Bè;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cần Giờ.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trụ sở và con dấu theo quy định để thực hiện nhiệm vụ được giao; chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố và thực hiện chế độ hạch toán phụ thuộc theo quy định của pháp luật.

Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc.

Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai do Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi có ý kiến của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật và của Thành phố về công tác cán bộ.

Các bộ phận trực thuộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai gồm có: bộ phận Hành chính - Tổng hợp; bộ phận Đăng ký và cấp giấy chứng nhận; bộ phận Kỹ thuật; bộ phận Lưu trữ.

c) Số lượng người làm việc:

Số lượng người làm việc của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố phải đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thực tế;

Số lượng người làm việc của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố được Ủy ban nhân dân Thành phố phân bổ hàng năm theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt trong tổng số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Số lượng người làm việc của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố được kế thừa của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất 24 quận, huyện là 576 người (trong đó: Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố: 68 người; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai 24 quận, huyện: 508 người). Số lượng cụ thể của từng quận, huyện do Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;

Đối với số lao động hợp đồng làm việc tại 24 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận, huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện ký hợp đồng lao động (kể cả những trường hợp do Phòng Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận, huyện ký hợp đồng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện), trước mắt được tiếp nhận về Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố để tiếp tục làm việc, đồng thời Ủy ban nhân dân các quận, huyện phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh sách và đề xuất cụ thể hướng xử lý đối với các lao động không đúng chuyên ngành khi chuyển giao nhân sự về Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố;

Sở Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố có trách nhiệm rà soát, tổ chức tuyển dụng viên chức trên cơ sở số người làm việc được giao.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp để thực hiện Đề án Thành lập Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố, tiếp nhận tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí hoạt động, trang thiết bị, trụ sở làm việc, kho lưu trữ hồ sơ và tài liệu có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất từ Ủy ban nhân dân các quận, huyện;

- Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động; kiện toàn, sắp xếp, ổn định tổ chức bộ máy để thực hiện nhiệm vụ được giao; lập kế hoạch tuyển dụng viên chức đúng chuyên ngành và đủ về số lượng theo cơ cấu vị trí việc làm để đảm bảo bộ máy tinh gọn, hiệu quả; đề xuất bố trí, sắp xếp lại trụ sở làm việc và kho lưu trữ cho các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai;

- Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố;

- Thực hiện việc bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố theo đúng trình tự, thủ tục, quy định của Nhà nước và Thành phố;

- Chủ trì, phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện xây dựng quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

2. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện hướng dẫn công tác bàn giao tài sản, tài chính khi tổ chức hợp nhất và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng về tài chính của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất 24 quận, huyện tính đến thời điểm hợp nhất; bố trí kinh phí cho Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố hoạt động ổn định;

- Kiểm tra nguồn chi trả, số chi trả thực tế của các quận, huyện cho đội ngũ lao động ngoài biên chế. Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố nguồn chi trả cho đội ngũ lao động ngoài biên chế.

3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính hướng dẫn Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố xây dựng mô hình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin theo tính chất, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, làm căn cứ để lập và triển khai các dự án, hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ tác nghiệp của đơn vị và liên thông dữ liệu giữa Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố với các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố, với các cơ quan có liên quan; Tổ chức bàn giao hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm ứng dụng, dữ liệu về đất đai, dữ liệu bản đồ từ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất 24 quận, huyện cho Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm:

- Lập danh sách số lượng người làm việc và đề xuất cụ thể hướng xử lý đối với số lượng lao động không phù hợp chuyên môn khi chuyển giao nhân sự về Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố;

- Thống kê trang thiết bị làm việc, kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, bàn giao về cho Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố để đảm bảo hoạt động ổn định bình thường và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao;

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố;

- Chi đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn trực thuộc phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2015. Bãi bỏ các Quyết định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Giám

độc Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

LIÊN SỞ, NGÀNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG-
SỞ TÀI CHÍNH-SỞ XÂY DỰNG-
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3100/HDLCQ-TNMT-STC-SXD-CT *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2015*

HƯỚNG DẪN

**Áp dụng Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 51/2014/QĐ-
UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố**

Căn cứ Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về Ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Căn cứ Công văn số 2358/UBND-ĐTMT ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hướng dẫn áp dụng Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Từ thực tiễn áp dụng Hướng dẫn 7575/HDLS ngày 07 tháng 08 năm 2008 của Liên sở: Sở Tài Chính - Cục thuế - Sở Xây dựng - Sở Tài nguyên và Môi trường, trên cơ sở đề xuất của các sở - ngành, Liên cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài Chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế Thành phố hướng dẫn một số nội dung của Quyết định 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

I- Đối với đất ở:

1. Việc xác định vị trí mặt tiền đường: Khu đất, thửa đất có vị trí mặt tiền đường phải có ít nhất một mặt giáp với lề đường (đường có tên trong Bảng giá đất ở). Việc xác định vị trí căn cứ vào thực tế, không phụ thuộc vào sổ thửa, địa chỉ của khu đất, thửa đất.

2. Đối với trường hợp khu đất, thửa đất nằm vị trí không mặt tiền đường thì có

địa chỉ đường nào thì áp dụng đơn giá đất của đường đó, trừ các trường hợp nêu tại mục 4.3, 4.4.

3. Đơn giá đất xác định tại các vị trí:

a) Vị trí 1: Đất có vị trí mặt tiền đường áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có ít nhất một mặt giáp với đường được quy định trong bảng giá đất.

b) Các vị trí không mặt tiền đường bao gồm:

- Vị trí 2: Có chiều rộng hẻm từ 5m trở lên (được trải đá, trải nhựa hoặc bê tông, xi măng) thì tính bằng 0,7 của vị trí 1

- Vị trí 3: Có chiều rộng hẻm từ 3m đến dưới 5m (được trải đá, trải nhựa hoặc bê tông, xi măng) thì tính bằng 0,8 của vị trí 2.

- Vị trí 4: Có chiều rộng hẻm dưới 3m (được trải đá, trải nhựa hoặc bê tông, xi măng) thì tính bằng 0,8 của vị trí 3.

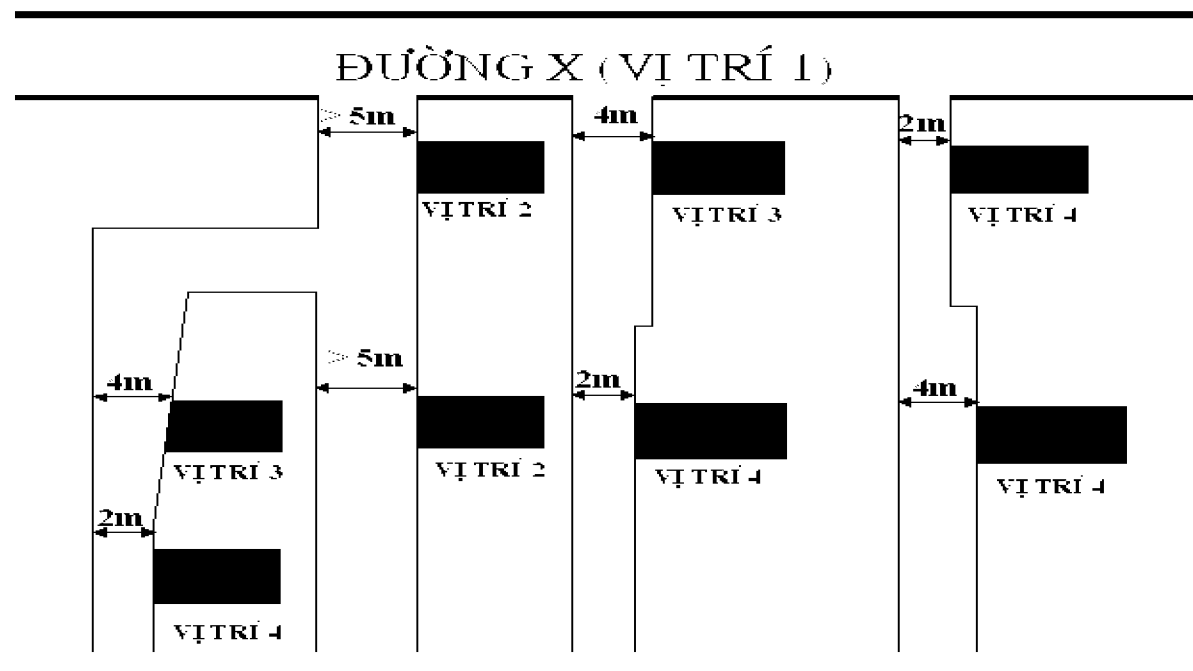
- Trường hợp các vị trí nêu trên có độ sâu tính từ mép trong lề đường của mặt tiền đường (theo bản đồ địa chính) từ 100m trở lên thì giá đất tính giảm 10% của từng vị trí.

Độ sâu của các vị trí không mặt tiền đường là khoảng cách di chuyển (đường bộ) từ mép trong của lề đường có tên trong bảng giá đất đến thửa đất, khu đất (hình 2); cách tính chiều dài là lấy từ tim đường các hẻm đi vào.

c) Việc xác định vị trí các thửa đất, khu đất không mặt tiền: dựa vào chiều rộng nhỏ nhất của hẻm mà muốn vào vị trí đất đó phải đi qua (hình 1).

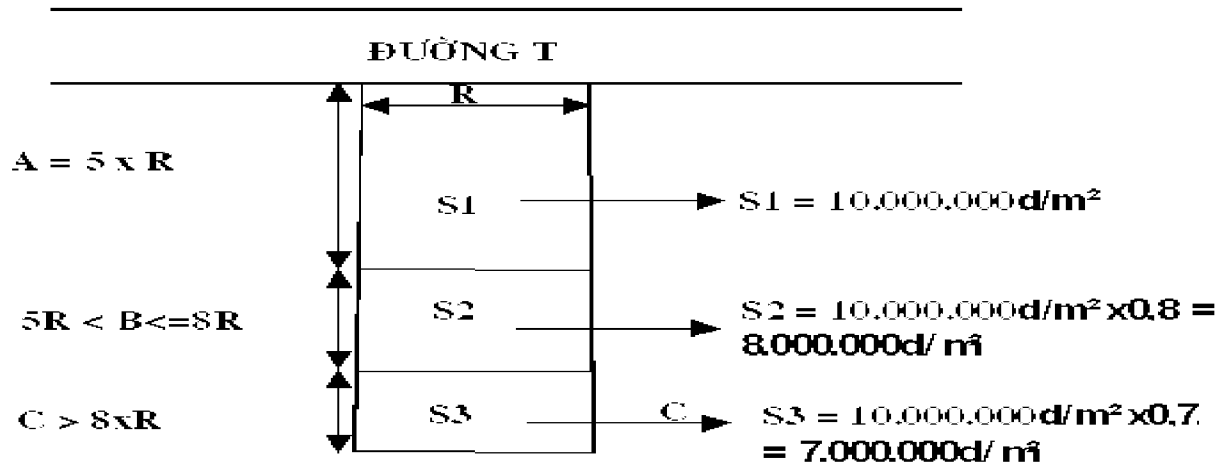
d) Hẻm đất tính bằng 0,8 hẻm trải đá, trải nhựa hoặc bê tông, xi măng.

Hình 1: Xác định các vị trí



4.1.2. Trường hợp 2:

Khu đất, thửa đất có chiều dài lớn gấp nhiều lần so với chiều rộng, thì đơn giá đất tính theo từng phần diện tích tùy theo khoảng cách so với mặt tiền đường, hẻm theo (hình 4) dưới đây:

Hình 4

Nhà A có diện tích $S = S1 + S2 + S3$.

Chiều rộng R.

Chiều dài khu đất, thửa đất = $A + B + C$.

+ Phần khu đất, thửa đất nằm trong phạm vi từ mặt tiền đường (hẻm) có chiều dài lớn gấp 5 lần chiều rộng của khu đất, thửa đất thì tính theo đơn giá đất mặt tiền đường (hẻm), cụ thể: S1 được tính giá đất mặt tiền đường (hẻm).

+ Phần khu đất, thửa đất nằm trong phạm vi có chiều dài lớn hơn 5 lần đến 8 lần chiều rộng của khu đất, thửa đất thì tính bằng 0,8 đơn giá đất mặt tiền đường (hẻm), cụ thể: S2 được tính đơn giá đất bằng 0,8 giá đất mặt tiền đường (hẻm).

+ Phần khu đất, thửa đất có chiều dài lớn hơn 8 lần chiều rộng của khu đất, thửa đất thì tính bằng 0,7 đơn giá đất mặt tiền đường (hẻm), cụ thể: S3 được tính đơn giá bằng 0,7 giá đất mặt tiền đường (hẻm).

4.2. Khu đất, thửa đất hoặc nhà đất (chưa có địa chỉ, số nhà) nằm ở vị trí tiếp giáp với nhiều mặt tiền đường thì đơn giá đất được xác định theo đường có đơn giá đất cao nhất.

4.3. Khu đất, thửa đất hoặc nhà đất nằm trong hẻm, có địa chỉ mang tên đường nhưng đường đó không có hẻm dẫn vào mà phải đi bằng hẻm của đường khác hoặc có địa chỉ nhưng chỉ ghi tên ấp, khóm, tổ, khu phố... không ghi tên đường thì đơn giá được tính theo hẻm dẫn ra đường gần nhất.

4.4. Khu đất, thửa đất hoặc nhà đất ở vị trí trong hẻm ra được nhiều đường có

đơn giá khác nhau thì đơn giá đất được xác định theo hẻm dẫn ra đường gần nhất.

4.5. Khu đất, thửa đất hoặc nhà đất không có đường, hẻm dẫn vào hoặc phải đi vào bằng thuyền, ghe hoặc bờ đất thì đơn giá đất được xác định theo đơn giá đất có vị trí 4 của đường gần nhất đã có giá dẫn đến khu đất nhưng không thấp hơn đơn giá đất của đất trồng cây lâu năm cùng vị trí và cùng khu vực.

4.6. Đối với những khu đất, thửa đất thuộc đoạn đường nằm hai bên dạp cầu (song song cầu), tính bằng 0,7 đơn giá của tuyến đường đó.

4.7. Đối với những khu đất, thửa đất thuộc đoạn đường nằm hai bên cầu vượt (song song cầu), dưới chân cầu vượt tính bằng 0,7 đơn giá của tuyến đường đó.

4.8. Đối với những khu đất, thửa đất nằm trong hành lang bảo vệ của đường điện cao thế tính bằng 0,7 đơn giá của tuyến đường đó.

4.9. Đối với những khu đất, thửa đất thuộc đường nhánh dẫn lên cầu vượt tính bằng 0,7 đơn giá của tuyến đường đó.

4.10. Đối với các thửa đất cách lề đường bằng một con kênh, rạch không được san lấp thì giá đất được tính bằng 0,7 giá đất của đường đó.

5. Khi áp dụng hướng dẫn trên thì giá các loại đất không được thấp hơn mức giá tối thiểu trong khung giá đất của Chính phủ, tương ứng với từng loại đất (nếu thấp hơn thì lấy bằng mức giá tối thiểu).

II- Phân bổ giá đất cho các đối tượng sử dụng tại công trình hỗn hợp có nhà ở.

Việc phân bổ tiền sử dụng đất cho các đối tượng sử dụng tại công trình hỗn hợp có nhà ở được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và Quyết định số 1939/QĐ-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 76/2014/TT-BTC.

- Trong trường hợp không có số liệu diện tích để xác định tổng diện tích nhà của các đối tượng sử dụng thì áp dụng hệ số phân bổ đều cho các tầng.

- Giá đất sau khi phân bổ cho các tầng không bị khống chế bởi mức giá tối thiểu trong khung giá đất của Chính phủ.

III- Đất phi nông nghiệp:

1. Đất thương mại, dịch vụ:

- Giá đất: tính bằng 80% giá đất ở liền kề.

- Giá đất không được thấp hơn giá đất trồng cây lâu năm trong khu dân cư cùng khu vực.

2. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ:

- Giá đất: tính bằng 60% giá đất ở liền kề.

- Giá đất không được thấp hơn giá đất trồng cây lâu năm trong khu dân cư cùng khu vực.

3. Đất sử dụng vào các mục đích công cộng có mục đích kinh doanh; Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất công trình sự nghiệp:

- Giá đất: tính bằng 60% giá đất ở liền kề.

- Giá đất không được thấp hơn giá đất trồng cây lâu năm trong khu dân cư cùng khu vực.

4. Đối với giá đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ quyết định cụ thể cho từng trường hợp phát sinh.

5. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản:

- Sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản: tính bằng 100% giá đất nuôi trồng thủy sản.

- Sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: tính bằng 50% giá loại đất phi nông nghiệp liền kề cùng loại đất.

- Sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kết hợp nuôi trồng thủy sản: giá đất được xác định trên diện tích từng loại đất cụ thể. Trường hợp không xác định được diện tích từng loại thì tính theo loại đất sử dụng chính.

6. Các loại đất phi nông nghiệp còn lại: căn cứ vào phương pháp định giá, so sánh các loại đất liền kề để quy định mức giá đất.

7. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất sản xuất kinh doanh nếu chênh lệch giá giữa đơn giá đất sản xuất kinh doanh với đơn giá đất nông nghiệp mà thấp hơn đơn giá đất nông nghiệp thì tiền sử dụng đất được xác định theo đơn giá đất của đất trồng cây lâu năm cùng vị trí và cùng khu vực. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở nếu chênh lệch giá giữa đơn giá đất ở với đơn giá đất nông nghiệp thấp hơn đơn giá đất nông nghiệp thì tiền sử dụng đất được xác định theo đơn giá đất của đất trồng cây lâu năm cùng vị trí và cùng khu vực.

Trường hợp thửa đất, khu đất có hình thể đặc biệt thì áp dụng cách tính như Mục I nêu trên.

8. Khi áp dụng hướng dẫn trên thì giá các loại đất không được thấp hơn mức giá tối thiểu trong khung giá đất của Chính phủ, tương ứng với từng loại đất (nếu thấp hơn thì lấy bằng mức giá tối thiểu).

Hướng dẫn này áp dụng cho những trường hợp xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Bảng giá đất ban hành theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Phòng Tài nguyên – Môi trường, Phòng Quản lý đô thị quận, huyện, các đơn vị có chức năng đo vẽ để xác định vị trí, phải thể hiện được các yếu tố để xác định được giá đất.

Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm cung cấp số liệu về độ rộng hẻm, chiều dài hẻm (từ lề đường đến khu đất, thửa đất) và kết cấu hẻm cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường để bổ sung vào phiếu chuyển thông tin địa chính.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị Ủy ban nhân dân quận, huyện phản ánh kịp thời về liên Sở để giải quyết theo thẩm quyền./.

**SỞ TÀI CHÍNH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Tạ Quang Vinh
SỞ XÂY DỰNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Quách Hồng Tiến

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Hồng
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Lê Thị Tám

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng